

Bản án số: 101/2025/DS-PT

Ngày 23 - 5- 2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thương

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Vỹ

Ông Đào Trọng Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Trứ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên

Trong các ngày 16 và 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ (nay là thành phố P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 119/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Đức C, sinh năm 1983 (có mặt) và bà Trần Thị H, sinh năm 1985 (có mặt);

Cùng địa chỉ: 141 Tăng Nhơn Phú, khu phố 9, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1981 (có mặt) và bà Trần Thị H1, sinh năm 1983 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã T, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

-Người kháng cáo: Đồng bị đơn ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Đức C và bà Trần Thị H trình bày:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/02/2023 đến ngày 19/4/2024 vợ chồng ông Phạm Đức C, bà Trần Thị H có cho vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị H1 vay tiền nhiều lần. Việc vay mượn không làm giấy tờ đối với từng khoản vay, hai bên thỏa thuận lãi suất là từ 0% đến 2,5%/tháng tùy vào từng khoản vay. Sau khi đối chiếu các khoản vay còn lại, ngày 01/7/2024 hai bên có lập “*văn bản xác nhận nợ*”, theo đó, ông Đ, bà H1 xác nhận còn nợ ông C, bà H với tổng số nợ gốc là

9.875.450.000đ. Ngày 13/8/2024, ông Đ, bà H1 trả được 300.000.000đ nợ gốc nên căn cứ vào “*văn bản xác nhận về việc những khoản vay chưa đóng lãi*” ngày 28/8/2024 thì khoản nợ gốc ông Đ, bà H1 còn nợ là 9.575.450.000đ. Đồng thời, ngày 05/10/2024 hai bên tiếp tục lập “*Biên bản trả nợ*” với nội dung bà H1, ông Đ cam kết sẽ trả cho ông C, bà H 200.000.000đ vào ngày 30 hàng tháng, số tiền này sẽ được trừ dần vào số tiền nợ gốc 9.575.450.000đ. Các văn bản trên có chữ ký xác nhận của ông Đ, bà H1.

Bà H, ông C xác định từ ngày 01/7/2024 đến nay, ông Đ, bà H1 có chuyển khoản cho ông C, bà H các khoản tiền:

- 100.000.000đ vào ngày 01/7/2024;
- 100.000.000đ vào ngày 22/7/2024;
- 400.000.000đ vào ngày 13/8/2024;
- 200.000.000đ vào ngày 30/11/2024.

Trong số tiền 400.000.000đ chuyển khoản vào ngày 13/8/2024 thì các bên thống nhất trích 300.000.000đ trừ vào khoản nợ gốc đã nêu bên trên; số tiền 100.000.000đ còn lại được cộng cùng với 200.000.000đ của lần chuyển khoản ngày 01/7/2024 và 22/7/2024 để giải quyết xong khoản tiền nợ lãi của tháng 5/2024.

Nay ông C, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc ông Đ và bà H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông C, bà H toàn bộ số tiền nợ gốc là 9.575.450.000 (Chín tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/6/2024 đến thời điểm xét xử (ngày 17/02/2025) với mức lãi suất 20%/năm. Ông C, bà H đồng ý khấu trừ số tiền 200.000.000đ ông Đ, bà H1 đã chuyển khoản ngày 30/11/2024 vào khoản tiền nợ lãi.

[2] *Tại bản tự khai, quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị H1 trình bày:*

Bà H1 và bà H có quan hệ chị em họ hàng nên từ ngày 21/10/2022 bà H có cho bà H1 vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 56.629.999.000đ. Khi vay, hai bên có thoả thuận miệng về thời hạn vay và mức lãi suất đối với từng khoản vay (lãi suất từ 2,5% đến 4%/tháng và có khoản vay không có lãi suất).

Quá trình giao dịch, bà H1 đã trả tiền nhiều lần cho bà H với tổng số tiền là 48.052.099.000đ. Bà H1 xác nhận từ ngày 22/10/2022 đến ngày 24/12/2024 bà H1 đã thanh toán cho bà H tổng số tiền lãi là 3.621.269.999đ.

Toàn bộ giao dịch vay mượn và trả tiền đều thông qua chuyển khoản ngân hàng do cá nhân bà H1 và bà H giao dịch, số tiền vay bà H1 sử dụng vào mục đích cá nhân nên ông Đ hoàn toàn không biết và không liên quan.

Ngày 01/7/2024 ông C, bà H đến yêu cầu ông Đ, bà H1 phải ký giấy xác nhận nợ với tổng số tiền 9.875.450.000đ, toàn bộ số tiền đều do bà H đánh máy sẵn. Ông Đ, bà H1 không đồng ý ký vì chưa kiểm tra đối chiếu lại công nợ nhưng bà H, ông C đề nghị ông bà ký trước làm tin, bà H sẽ đối chiếu sao kê lại tài khoản ngân hàng, nên ông bà đã ký vào “*văn bản xác nhận nợ*” ngày 01/7/2024 và sau đó có ký vào “*văn bản xác nhận về việc những khoản vay chưa đóng lãi*” ngày 28/8/2024, “*biên bản trả nợ*” ngày 05/10/2024.

Nay, bà H1 xác nhận chỉ còn nợ bà H tổng số tiền nợ gốc là 8.577.900.034đ.

Về tiền lãi: Bà H1 đồng ý trả tiền lãi cho bà H từ ngày 22/10/2022 đến ngày 24/12/2024 với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể là 1.871.366.285đ. Đối chiếu với số tiền lãi đã trả, bà H1 đã thanh toán dư là 1.749.903.714đ. Bà H1 đề nghị được khấu trừ vào số tiền gốc là: 8.577.900.034đ - 1.749.903.714đ = 6.827.996.320đ.

Như vậy, bà H1 đồng ý trả cho bà H, ông C là 6.827.996.320 (Sáu tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi) đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ (nay là thành phố P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức C, bà Trần Thị H đối với ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị H1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Đức C, bà Trần Thị H tổng số tiền là 10.780.360.000đ (Mười tỷ, bảy trăm tám mươi triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó, nợ gốc: 9.575.450.000đ (Chín tỷ, năm trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng; tiền lãi 1.204.910.000đ (Một tỷ hai trăm lẻ bốn triệu, chín trăm mười ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06-3-2025, ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị H1 nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Xác định số tiền nợ gốc ông Đ bà H1 còn nợ ông C bà H là 8.577.900.034đ.

- Đối với tiền nợ lãi: Ông bà đã thanh toán dư cho ông C bà H 1.549.903.714đ. Ngày 30-11-2024 ông bà chuyển khoản trả tiếp cho ông C bà H 200.000.000đ, nên đề nghị khấu trừ các số tiền này vào số tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông C bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Đ bà H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:*

- *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của đồng bị đơn nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 17/02/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ (nay là Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo hướng buộc bị đơn ông Đ bà H1 phải trả cho nguyên đơn ông C, bà H số tiền nợ gốc 9.575.450.000đ và tiền lãi tính đến ngày 17/02/2025 là 1.037.900.640đ, tổng cộng tiền gốc và lãi là 10.613.350.640đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đơn kháng cáo của ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị H1 nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đ và bà H1*

Ông Đ và bà H1 yêu cầu xem xét lại khoản tiền gốc và lãi mà ông bà có nghĩa vụ phải trả cho ông Phạm Đức C và bà Trần Thị H. Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả lại khoản tiền nợ gốc:

[2.1.1] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa phúc thẩm ông C và bà H cho rằng trong thời gian từ ngày 15-02-2023 đến ngày 19-4-2024, ông bà cho ông Đ và bà H1 vay nhiều khoản tiền nên ngày 01-7-2024, hai bên lập “văn bản xác nhận nợ”. Theo đó ông Đ và bà H1 xác nhận còn nợ ông C và bà H số tiền nợ gốc 9.875.450.000đ.

Ngày 13-8-2024, bà H1 chuyển 400.000.000đ vào tài khoản của bà H mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (MB), bà H đã trích trừ số tiền 300.000.000đ vào khoản tiền nợ gốc, nên số tiền nợ gốc bà H1 ông Đ còn nợ ông C và bà H hiện nay là 9.575.450.000đ.

[2.1.2] Về phía ông Đ và bà H1 thì cho rằng từ ngày 20-10-2022, ông bà vay của ông C và bà H nhiều lần tiền. Theo sao kê tài khoản ngân hàng thì trong khoảng thời gian từ tháng 10-2022 đến tháng 5-2024, tổng số tiền bà H chuyển cho bà H1 khoảng 56.000.000.000đ, bà H1 đã chuyển cho bà H khoảng 48.000.000.000đ, nên số tiền nợ gốc bà H1 ông Đ còn nợ bà H ông C chỉ là 8.577.900.000đ.

[2.1.3] Thấy rằng theo sự thừa nhận của các bên giữa ông C và bà H và ông Đ và bà H1 ngoài quan hệ cho vay- vay thì giữa các bên còn có việc hợp tác nhận chuyển nhượng đất chung, ngoài ra có những khoản bà H ông C chuyển cho bà H1 ông Đ mượn tạm và sau đó đã chuyển khoản trả lại, nên giữa các bên có chuyển khoản qua lại cho nhau nhiều lần tiền. Theo các sao kê tài khoản ngân hàng mà các bên cung cấp đều không thể hiện nội dung là chuyển cho nhau số tiền gì. Bà H1 ông Đ cho rằng tranh chấp trong vụ án này là số tiền vay từ tháng 10-2022 nhưng không được ông C và bà H thừa nhận và bà H1 ông Đ không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Căn cứ vào “văn bản xác nhận nợ” ngày 01-7-2024 (BL 439- 440 TA), “văn bản xác nhận về việc những khoản vay chưa đóng lãi” ngày 01-7-2024 (BL 443- 444 TA) và “văn bản xác nhận về việc những khoản vay chưa đóng lãi” ngày 28-8-2024 (BL 445 – 446 TA) được các bên ký thừa nhận có nội dung xác nhận số tiền nợ gốc là 9.875.450.000đ và khoản nợ này ông Đ và bà H1 vay từ ngày 15-02-2023.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông C và bà H và ông Đ và bà H1 cùng xác nhận có việc bà H1 chuyển khoản 400.000.000đ vào tài khoản của bà H mở tại Ngân hàng M vào ngày 13-8-2024. Bà H đã nhắn tin thống nhất với bà H1 là sẽ trừ 300.000.000đ vào khoản nợ gốc, được bà H1 đồng ý.

Do vậy có căn cứ xác định số tiền nợ gốc bà H1 ông Đ còn nợ ông C và bà H là 9.575.450.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C và bà H về việc buộc ông Đ và bà H1 phải trả khoản tiền nợ gốc 9.575.450.000đ là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền nợ lãi:

[2.2.1] Theo ông C bà H thì ông Đ bà H1 chưa trả tiền lãi từ tháng 6-2024 cho ông bà. Điều này được các bên xác nhận theo “*Văn bản xác nhận về những khoản vay chưa đóng lãi*” đề ngày 01-7-2024 và 28-8-2024, nên nay tự nguyện chỉ yêu cầu ông Đ bà H1 phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 9.575.450.000đ tính từ ngày 01-6-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17-02-2025) với mức lãi suất 20%/năm.

Đối với khoản tiền lãi tháng 5-2024 thì ông Đ bà H1 đã thanh toán đủ cho ông C bà H.

[2.2.2] Về phía ông Đ bà H1 yêu cầu được tính toán lại khoản tiền lãi từ khi vay, có khấu trừ số tiền lãi mà ông bà đã trả cho ông C bà H.

[2.2.3] Thấy rằng như đã phân tích bên trên thì ngoài quan hệ vay- cho vay, giữa các bên còn có việc hợp tác nhận chuyển nhượng đất chung, có những khoản cho mượn tạm và trả lại ngay nên có chuyển khoản qua lại cho nhau nhiều lần tiền. Theo các sao kê tài khoản ngân hàng mà các bên cung cấp đều không thể hiện nội dung là chuyển cho nhau số tiền gì nên không có căn cứ để xác định những khoản tiền ông Đ bà H1 chuyển cho bà H ông C là khoản tiền gì. Nếu liên quan đến quan hệ cho vay- vay trong vụ án này thì số tiền mà bà H1 ông Đ chuyển cho bà H ông C là trả tiền gốc hay tiền lãi và trả cho khoản vay nào. Do vậy không có căn cứ để tính toán lại tiền lãi mà ông Đ bà H1 đã trả cho ông C bà H như yêu cầu của bị đơn.

Căn cứ vào “*văn bản xác nhận về những khoản vay chưa đóng lãi*” ngày 01-7-2024 và ngày 28-8-2024 thể hiện ông Đ bà H1 chưa thanh toán tiền lãi từ tháng 6-2024. Đối với tiền lãi tháng 5-2024 chưa thanh toán dứt điểm. Cũng tại các văn bản này thể hiện cách tính toán đưa đến số tiền nợ lãi của ông Đ bà H1 vào các tháng 5-6-7-8/2024. Trong đó cách tính tiền lãi tháng 6-7/2024 được tính trên số tiền nợ gốc 9.875.450.000đ và tiền lãi tháng 8-2024 được tính trên số tiền nợ gốc 9.575.450.000đ. Kết quả tính toán các tháng tiền lãi 6-7-8/2024 với số tiền nợ gốc bên trên theo mức lãi suất 2,5%/tháng mà các bên thỏa thuận là phù hợp.

Trong khi đó đối với khoản tiền nợ lãi tháng 5-2024 không thể hiện nợ lãi tính trên khoản tiền gốc cụ thể bao nhiêu. Nếu tính theo logic về thời gian thì khoản nợ lãi tháng 5-2024 phải được tính trên số tiền nợ gốc 9.875.450.000đ. Tuy nhiên nếu tính tiền lãi trên khoản tiền này theo mức lãi suất 2,5%/tháng như các bên đã thỏa thuận thì số tiền lãi tương ứng sẽ là 246.886.250đ, mà không phải là số tiền 296.875.000đ được ghi trong văn bản trên do các bên xác nhận.

Do vậy không có cơ sở để tính toán lại khoản tiền lãi tháng 5-2024. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm các bên cũng xác nhận tiền lãi tháng 5-2024 đã được các bên thống nhất cân trừ, nên đã giải quyết xong. Hội đồng xét xử xem xét tính toán khoản tiền nợ lãi mà ông Đ bà H1 có trách nhiệm trả cho ông C bà H từ tháng 6-2024 đến thời điểm xét xử.

Xét lãi suất các bên thỏa thuận là 2,5%/ tháng là không phù hợp với mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nay ông C bà H khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi suất 20%/năm trên số tiền nợ gốc 9.575.450.000đ từ ngày 01-6-2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 17-02-2024 là phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận. Xem xét tính tiền lãi cụ thể như sau:

Từ ngày 01-6-2024 đến ngày 17-02-2025 tổng tiền lãi được tính là 1,67%/tháng x 08 tháng 17 ngày x 9.575.450.000đ = 1.369.895.795đ; khấu trừ số

tiền 200.000.000đ bà H1 chuyển cho bà H vào ngày 30-11-2024 được các bên xác định trừ vào khoản tiền nợ lãi, nên số tiền nợ lãi mà ông Đ bà H1 còn phải trả cho ông C bà H là 1.169.895.795đ.

Tòa án cấp sơ thẩm tính toán khoản tiền lãi mà ông Đ bà H1 có trách nhiệm trả cho ông C bà H là 1.404.910.000đ là chưa chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16-5-2025, ông C bà H tự nguyện giảm cho ông Đ bà H1 200.000.000đ tiền lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 23-5-2025, ông C bà H thay đổi ý kiến, không đồng ý giảm số tiền trên cho bà H1 ông Đ nữa, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận.

[2.3] Như vậy tổng số tiền gốc và lãi ông Đ bà H1 có nghĩa vụ trả cho ông C bà H là 10.745.345.795đ.

Từ phân tích, nhận định trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đ bà H1, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] *Về án phí:*

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí trên yêu cầu nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

-Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của đồng bị đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn; sửa một phần bản án sơ thẩm số 12/2025/DS- ST ngày 17-02-2025 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ (nay là thành phố P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, như sau:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39; Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đức C bà Trần Thị H đối với bị đơn ông Trần Văn Đ bà Trần Thị H1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc ông Trần Văn Đ bà Trần Thị H1 có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Đức C bà Trần Thị H tổng số tiền nợ là 10.745.345.795 (mười tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi lăm) đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 9.575.450.000 đồng và số tiền nợ lãi là 1.169.895.795 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả và tương ứng với số tiền còn phải thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Văn Đ bà Trần Thị H1 phải nộp 118.745.345 (một trăm mười tám triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi lăm) đồng.

+ Ông Phạm Đức C, bà Trần Thị H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 59.153.000 (năm mươi chín triệu một trăm năm mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004030 ngày 31 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ (nay là thành phố P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Đ bà Trần Thị H1 được hoàn lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001005 ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23-5-2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND TP. Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TP. Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thương